

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-180B INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-180B BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.
Số Hồ Sơ

Incident/Arrest No. (for LEA use only)
Số hồ sơ vụ việc/bắt giữ (dành cho LEA sử dụng)

County _____
Quận/hạt _____

In The General Court Of Justice
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý

STATE VERSUS
TIỂU BANG CHÔNG LẠI

Defendant Name
Tên bị cáo

CRIME VICTIMS' RIGHTS ACT
VICTIM INFORMATION SHEET
(LAW ENFORCEMENT)

BẢN GHI THÔNG TIN VỀ NẠN NHÂN
CHIẾU THEO ĐIỀU LUẬT VỀ QUYỀN
CỦA NẠN NHÂN TỘI PHẠM
(DÀNH CHO NGƯỜI THI HÀNH LUẬT PHÁP)

(For Offenses Committed Before Aug. 31, 2019)
(Dùng cho các tội vi phạm trước ngày 31 tháng 8 năm 2019)

G.S. 15A-831 and 15A-832
G.S. 15A-831 và 15A-832

NOTE TO JUDICIAL OFFICIALS: This form is for law enforcement use, only. To collect victim information required by G.S. 15A-832.1 when issuing a criminal pleading for a misdemeanor offense covered by the Crime Victims' Rights Act and committed on or after Aug. 31, 2019, based on evidence from a complaining witness other than a law enforcement officer, use form AOC-CR-181B.

LƯU Ý DÀNH CHO CÁC VIÊN CHỨC TÒA ÁN: Mẫu này chỉ dành cho nhân viên cơ quan công lực sử dụng. Hãy sử dụng mẫu AOC-CR-181B nếu cần thu thập thông tin về nạn nhân theo quy định của điều G.S. 15A-832.1 khi ban hành hồ sơ truy tố căn cứ vào bằng chứng từ một nhân chứng tố cáo không phải là nhân viên công lực về một tội tiểu hình đã vi phạm vào hoặc sau ngày 31 tháng 8 năm 2019 và thuộc phạm vi của Luật về Quyền của Nạn nhân Tội phạm.

NOTE TO INVESTIGATING LAW ENFORCEMENT AGENCY: G.S. 15A-831(c) provides that for any offense covered by the Crime Victims' Rights Act (see Side Two for a list), "Within 72 hours after receiving notification from the arresting law enforcement agency that the accused has been arrested, the investigating law enforcement agency shall also forward to the district attorney's office that will be responsible for prosecuting the case the defendant's name and the victim's name, address, and telephone number or other contact information, unless the victim refuses to disclose any or all of the information, in which case, the investigating law enforcement agency shall so inform the district attorney's office." **DO NOT send this form to the office of the clerk of superior court. G.S. 15A-831(c) requires that it be delivered to the office of the district attorney**

LƯU Ý DÀNH CHO CƠ QUAN CÔNG LỰC CÓ CHỨC NĂNG ĐIỀU TRA: G.S. 15A-831(c) quy định rằng đối với bất kỳ tội nào thuộc phạm vi của Luật về Quyền của Nạn nhân Tội phạm (xem danh sách ở mặt hai), "Trong vòng 72 tiếng kể từ khi được một cơ quan công lực thông báo việc bắt giữ bị cáo, cơ quan công lực có chức năng điều tra cũng phải chuyển đến văn phòng công tố viên quận/hạt mà sẽ phụ trách việc truy tố vụ án tên của bị cáo cùng với tên, địa chỉ và số điện thoại hay thông tin liên lạc khác của nạn nhân, trừ phi nạn nhân từ chối cho biết bất kỳ hay tất cả những thông tin đó. Trong trường hợp đó, cơ quan công lực có chức năng điều tra phải thông báo cho văn phòng công tố viên quận/hạt biết điều này". **KHÔNG gửi mẫu này đến văn phòng lục sự tòa thượng thẩm. G.S. 15A-831(c) quy định rằng mẫu này phải được gửi đến văn phòng công tố viên quận/hạt.**

VICTIM INFORMATION
THÔNG TIN VỀ NẠN NHÂN

Name
Tên, họ

Telephone No.
Số điện thoại

Refused to Disclose
Từ chối trả lời

Address
Địa chỉ

Refused to Disclose
Từ chối trả lời

Other Contact Information (email address, etc.)
Thông tin liên lạc khác (địa chỉ email, v.v.)

Refused to Disclose
Từ chối trả lời

(Over)
(Xem mặt sau)

The victim does does not wish to receive further notices on the status of the accused during the pretrial process.
Nạn nhân muốn không muốn tiếp tục được thông báo về tình trạng của bị cáo trong suốt quá trình xử lý trước phiên xét xử.

Name Of Collecting Law Enforcement Personnel (type or print) Tên của Nhân Viên Công Lực thu thập thông tin (đánh máy hay viết chữ in)	Signature Chữ ký	Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)
Title Chức danh	Agency Cơ quan	

VICTIM NOTIFICATION REQUEST
YÊU CẦU ĐƯỢC THÔNG BÁO CỦA NẠN NHÂN

NOTE TO LAW ENFORCEMENT AGENCY AND VICTIM: Do not complete this section at the beginning of the case. This section will be completed when the victim meets with staff of the district attorney's office.

LƯU Ý DÀNH CHO CƠ QUAN CÔNG LỰC VÀ NẠN NHÂN: Không điền phần này khi bắt đầu lập hồ sơ vụ án. Phần này sẽ được điền khi nạn nhân gặp nhân viên của văn phòng công tố viên quận/hạt.

NOTE TO VICTIM: Indicate below whether or not you want to receive notice from the State about trial and post-trial proceedings involving the defendant. For trial proceedings, notice will come from the district attorney's office. For post-trial proceedings, any notice(s) will be provided by the Attorney General's office and/or correctional officials. If you elect to receive any notices, you must notify the relevant office of any change in your address or telephone number. You can change this request at any time by filing an updated copy of this form with your changed preference marked.

LƯU Ý DÀNH CHO NẠN NHÂN: Xin đánh dấu vào ô dưới đây để cho biết quý vị có hay không muốn được Tiểu bang thông báo về các thủ tục xét xử và sau phiên xét xử liên quan đến bị cáo này. Đối với các thủ tục xét xử thì thông báo sẽ đến từ văn phòng công tố viên quận/hạt. Đối với các thủ tục sau phiên xét xử thì (các) thông báo, nếu có, sẽ đến từ văn phòng Chương Lý Tiểu Bang và/hoặc các viên chức cơ sở cải huấn. Nếu yêu cầu được thông báo thì quý vị phải cập nhật thông tin với văn phòng phù hợp nếu địa chỉ hay số điện thoại của quý vị thay đổi. Quý vị có thể sửa đổi yêu cầu này vào bất kỳ lúc nào bằng cách nộp một bản sao mới của mẫu này, trong đó đánh dấu vào ô thích hợp để nêu rõ ý muốn sửa đổi của quý vị.

I do wish to receive notice of the following (check all that apply): trial proceedings. post-trial proceedings.
 Tôi có muốn được thông báo về các thủ tục sau đây (đánh dấu tất cả các ô thích hợp): thủ tục xét xử. thủ tục sau phiên xét xử.

I do not wish to receive notice of further proceedings.

(NOTE: You still might be subpoenaed as a witness or otherwise required to appear when needed for certain proceedings.)

Tôi không muốn được thông báo về các thủ tục sau này.

(LƯU Ý: Quý vị vẫn có thể nhận trát mời ra tòa để làm chứng hoặc phải hầu tòa vì lý do khác nếu cần thiết cho một số thủ tục.)

Signature Chữ ký	Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)
---------------------	--

NOTE TO DISTRICT ATTORNEY: If the defendant is convicted of an offense covered by the Crime Victims' Rights Act (CVRA), meaning any offense identified in G.S. 15A-830 (see Side Two for a list), provide this form to the court at the time of sentencing. G.S. 15A-832(g). If defendant appeals to the appellate division, forward a copy of this form to the Attorney General. G.S. 15A-835(b). **DO NOT file this form with the clerk for a defendant not convicted of an offense covered by the CVRA.**

LƯU Ý DÀNH CHO CÔNG TỐ VIÊN QUẬN/HẠT: Nếu bị cáo bị kết án một tội thuộc phạm vi của Luật về Quyền của Nạn nhân Tội phạm (CVRA), tức là bất kỳ tội nào được nêu trong điều G.S. 15A-830 (xem danh sách ở mặt hai) thì hãy cung cấp mẫu này cho tòa án vào lúc tuyên án. G.S. 15A-832(g). Nếu bị cáo kháng cáo bản án lên tòa án phúc thẩm thì hãy chuyển bản sao mẫu này đến Chương lý Tiểu bang. G.S. 15A-835(b). **XIN ĐỪNG nộp mẫu này cho lục sự nếu bị cáo không bị kết án một tội nằm trong phạm vi của điều luật CVRA.**

NOTE TO CLERK: If defendant is convicted, forward this form along with the judgment of conviction to the agency that will have custody of the defendant. The custodial agency will maintain this information as a confidential file. G.S. 15A-832(g). If defendant is not sentenced to active imprisonment or supervised probation (i.e., the defendant gets unsupervised probation or only a fine), return this form to the district attorney. **DO NOT retain a copy in the case file.**

LƯU Ý DÀNH CHO LỤC SỰ: Nếu bị cáo bị kết án thì hãy đính kèm mẫu này với bản án và chuyển đến cơ quan sẽ giam giữ bị cáo. Cơ quan giam giữ sẽ lưu giữ thông tin này trong một hồ sơ bảo mật. G.S. 15A-832(g). Nếu bị cáo không phải chịu án tù hay lệnh quản chế có giám sát (nghĩa là bị cáo chỉ phải chịu lệnh quản chế không có giám sát hay bị phạt tiền) thì hãy gửi lại mẫu này cho công tố viên quận/hạt. **KHÔNG lưu bản sao mẫu này trong hồ sơ vụ án.**

(Over)
(Xem mặt sau)

CRIME VICTIMS' RIGHTS ACT OFFENSES
CÁC TỘI TRẠNG THUỘC PHẠM VI CỦA LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NẠN NHÂN TỘI PHẠM

For offenses committed on or after Aug. 31, 2019, the provisions of G.S. 15A, Article 46 (the Crime Victims' Rights Act, or CVRA) apply only to victims of offenses listed in G.S. 15A-830. The list below identifies those offenses.

Đối với các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 31 tháng 8 năm 2019 thì các quy định của Điều 46, G.S. 15A (Luật về Quyền của Nạn nhân Tội phạm, hay viết tắt là CVRA) chỉ áp dụng cho nạn nhân của các tội được liệt kê ở điều G.S. 15A-830. Danh sách dưới đây nêu rõ các tội này.

For offenses committed before Aug. 31, 2019, see forms AOC-CR-180A and AOC-CR-181A.

Đối với các tội vi phạm trước ngày 31 tháng 8 năm 2019, hãy xem các mẫu AOC-CR-180A và AOC-CR-181A.

CVRA Offenses Committed On Or After Aug. 31, 2019
Các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 31 tháng 8 năm 2019 mà thuộc phạm vi luật CVRA

For offenses committed on or after Aug. 31, 2019, the CVRA applies to victims of offenses listed in G.S. 15A-830(a)(3b) (felony property crime) or 15A-830(a)(6a) (offense against the person).

Đối với các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 31 tháng 8 năm 2019, luật CVRA áp dụng cho nạn nhân của các tội được liệt kê ở G.S. 15A-830(a)(3b) (tội đại hình đối với tài sản) hoặc 15A-830(a)(6a) (tội phạm đối với con người).

- A **felony property crime** is any felony set out in:
- **Tội đại hình đối với tài sản** là bất kỳ tội đại hình nào được nêu ở:
 - Subchapter IV of Chapter 14 of the General Statutes (G.S. 14-51 through 14-69.3); or
 - Chương phụ IV, Chương 14 của Bộ luật chung (G.S. 14-51 đến 14-69.3); hoặc
 - Subchapter V of Chapter 14 of the General Statutes (G.S. 14-70 through 14-125).
 - Chương phụ V, Chương 14 của Bộ luật chung (G.S. 14-70 đến 14-125).
- An **offense against the person** is an offense involving the person of the victim which constitutes a violation of:
- **Tội phạm đối với con người** là hành vi vi phạm liên quan đến con người nạn nhân mà bị coi là vi phạm:
 - Subchapter III of Chapter 14 of the General Statutes (G.S. 14-17 through 14-50.43);
 - Chương phụ III, Chương 14 của Bộ luật chung (G.S. 14-17 đến 14-50.43);
 - Subchapter VII of Chapter 14 of the General Statutes (G.S. 14-177 through 14-208.45);
 - Chương phụ VII, Chương 14 của Bộ luật chung (G.S. 14-177 đến 14-208.45);
 - Article 39 of Chapter 14 of the General Statutes (G.S. 14-313 through 14-321.2);
 - Điều 39, Chương 14 của Bộ luật chung (G.S. 14-313 đến 14-321.2);
 - Chapter 20 of the General Statutes, if an element of the offense involves impairment of the defendant, or injury or death to the victim;
 - Chương 20 của Bộ luật chung, nếu các yếu tố cấu thành vi phạm có liên quan đến việc bị cáo không tỉnh táo hoặc nạn nhân bị chấn thương hay tử vong;
 - A valid protective order under G.S. 50B-4.1, including, but not limited to, G.S. 14-134.3 and G.S. 14-269.8;
 - Một lệnh bảo vệ hợp lệ chiếu theo G.S. 50B-4.1, bao gồm nhưng không giới hạn ở G.S. 14-134.3 và G.S. 14-269.8;
 - Article 35 of Chapter 14 of the General Statutes (G.S. 14-269 through 14-277.8), if the elements of the offense involve communicating a threat or stalking; or
 - Điều 35, Chương 14 của Bộ luật chung (G.S. 14-269 đến 14-277.8), nếu các yếu tố cấu thành vi phạm có liên quan việc hăm dọa hay rình rập; hoặc
 - An offense that triggers the enumerated victims' rights, as required by the North Carolina Constitution.*
 - Một tội khiến phải áp dụng các quyền của nạn nhân được liệt kê ở Hiến pháp Tiểu bang North Carolina.*

* This final category of offenses against the person, set out in G.S. 15A-830(a)(6a)g., appears to apply the CVRA to offenses that fit the constitutional criterion of Article I, § 37(a), a "crime ... against or involving the person of the victim," but are not otherwise enumerated in the list above. Which additional offenses satisfy that criterion would appear to be a case-by-case determination by the officials with assigned duties under the CVRA.

* Phân loại cuối cùng này về các tội đối với con người được nêu ở G.S. 15A-830(a)(6a)g và dường như có nghĩa là luật CVRA sẽ áp dụng cho các tội đáp ứng tiêu chí ở Điều I, § 37(a) của Hiến pháp, tức là một "tội ... chống lại hay liên quan đến con người của nạn nhân", nhưng không được liệt kê ở bất kỳ nơi nào khác trong danh sách trên đây. Để biết cụ thể các tội nào nữa sẽ đáp ứng với tiêu chí đó thì dường như phải căn cứ vào quyết định trong từng trường hợp của các viên chức được chỉ định thực hiện nhiệm vụ theo luật CVRA.

(Over)
(Xem mặt sau)

**INFORMATION FOR VICTIMS
THÔNG TIN DÀNH CHO NHÂN CHỨNG**

CRIME VICTIM RIGHTS

As a victim of crime, you shall be treated with dignity and respect by the criminal justice system. The North Carolina Constitution guarantees the following rights:

CÁC QUYỀN CỦA NẠN NHÂN TỘI PHẠM

Là nạn nhân tội phạm, quý vị sẽ được đối xử một cách tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm bởi hệ thống tư pháp hình sự. Hiến pháp North Carolina đảm bảo các quyền sau đây:

- The right upon request to reasonable, accurate, and timely notice of court proceedings of the accused.
- Quyền được thông báo theo yêu cầu về các thủ tục tòa án của bị cáo một cách hợp lý, chính xác và kịp thời.
- The right upon request to be present at court proceedings of the accused.
- Quyền có mặt tại các thủ tục tòa án của bị cáo, nếu yêu cầu điều này.
- The right to be reasonably heard at court proceedings involving the plea, conviction, sentencing, or release of the accused.
- Quyền được lắng nghe hợp lý khi trình bày tại các thủ tục tòa án liên quan đến việc nhận tội, kết án, tuyên án hay phóng thích bị cáo.
- The right to receive restitution in a reasonably timely manner, when ordered by the court.
- Quyền được bồi thường kịp thời trong thời gian hợp lý theo lệnh của tòa.
- The right to be given information about the crime, how the criminal justice system works, the rights of victims, and the availability of services for victims.
- Quyền được cung cấp thông tin về tội phạm, các thủ tục của hệ thống tư pháp hình sự, các quyền của nạn nhân và các dịch vụ có sẵn cho nạn nhân.
- The right upon request to receive information about the conviction or final disposition and sentence of the accused.
- Quyền nhận được thông tin theo yêu cầu về việc kết án hay giải quyết vụ án theo cách khác cũng như bản án của bị cáo.
- The right upon request to receive notification of escape, release, proposed parole or pardon of the accused, or notice of a reprieve or commutation of the accused's sentence.
- Quyền được thông báo theo yêu cầu nếu bị cáo trốn tù, được phóng thích, được đề xuất thả sớm hay được ân xá hoặc được thông báo nếu bản án của bị cáo được giảm hay đình hoãn.
- The right to present the victim's views and concerns in writing to the Governor or agency considering any action that could result in the release of the accused, prior to such action becoming effective.
- Quyền trình bày bằng văn bản các quan điểm và quan ngại của nạn nhân cho Thống đốc hay cơ quan phụ trách khi họ cân nhắc bất kỳ hành động nào có thể dẫn đến việc phóng thích bị cáo, trước khi hành động đó được thực hiện.
- The right to reasonably confer with the prosecution.
- Quyền hội ý với công tố viên một cách hợp lý.

PRETRIAL RELEASE

NẾU BỊ CÁO ĐƯỢC TẠI NGOẠI TRƯỚC KHI XÉT XỬ

- Upon arrest, a defendant has the right to pretrial release through a bond or special conditions set by a magistrate or judge.
- Sau khi bị bắt giam, bị cáo có quyền được thả ra trước phiên xét xử nếu nộp giấy cam kết hay đồng ý tuân thủ các điều kiện đặc biệt do phụ thẩm hay thẩm phán đặt ra.
- To obtain information regarding custody status changes and criminal case information, visit www.ncsavan.org or call 1-877-627-2826.
- Để biết thông tin về các thay đổi trong tình trạng giam giữ của bị cáo và thông tin về vụ án hình sự, vui lòng truy cập www.ncsavan.org hoặc gọi số 1-877-627-2826.

VICTIM'S COMPENSATION

Victims Compensation Services reimburses citizens who suffer medical expenses and lost wages as a result of being an innocent victim of a crime. A claim must be filed within two years to receive compensation. For more information, go to www.ncdps.gov (Crime Victim Compensation) or call 1-800-826-6200.

DỊCH VỤ BỒI THƯỜNG NẠN NHÂN

Dịch vụ Bồi thường Nạn nhân có trách nhiệm bồi hoàn tiền cho các công dân vô tội đã phải chịu các chi phí y tế hay bị mất một phần tiền lương khi trở thành nạn nhân của một tội phạm. Phải nộp đơn yêu cầu trong vòng hai năm để được bồi thường. Để biết thêm thông tin, xin truy cập trang web www.ncdps.gov (Dịch vụ Bồi thường Nạn nhân) hoặc gọi số 1-800-826-6200.

LAW ENFORCEMENT SERVICES

CÁC DỊCH VỤ CỦA CƠ QUAN CÔNG LỰC

- Should you need medical assistance resulting from this crime, law enforcement can provide the proper information.
- Nếu quý vị cần được chăm sóc y tế do hậu quả của tội phạm này thì cơ quan công lực có thể cung cấp thông tin hữu ích cho quý vị.
- If you receive a threat, immediately call the law enforcement agency and prosecutor assigned to your case.
- Nếu quý vị bị hăm dọa thì hãy gọi ngay cho cơ quan công lực và công tố viên phụ trách vụ án của quý vị.
- Any stolen or other personal property that has been seized shall be expeditiously returned when it is no longer needed as evidence.
- Bất kỳ tài sản cá nhân nào mà bị lấy cắp hay tịch thu đều sẽ được nhanh chóng trả lại khi không còn cần lưu giữ để làm bằng chứng.
- If an arrest is made in your case, law enforcement will notify you. If you are not notified within six months of the reported crime, you may contact:
- Nếu cơ quan công lực bắt được nghi can trong vụ án của quý vị thì họ sẽ thông báo cho quý vị. Nếu quý vị không nhận được thông báo nào sau sáu tháng kể từ ngày báo cáo tội phạm thì quý vị có thể liên lạc với:

*Law Enforcement:
Cơ quan công lực:*

*District Attorney:
Công tố viên quận/hạt:*